

Số: 50 /KH - MNNB

Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế-xã hội năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo và dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính –NSNN giai đoạn 2024-2026 lĩnh vực giáo dục đào tạo

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

I. DỰ ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2024 (NĂM 2024-2025)

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

- Tổng số học sinh của toàn trường là 243 cháu
- Tổng số nhóm, lớp: 09 nhóm lớp. Trong đó:
 - + Nhóm trẻ 25- 36 tháng: 02 nhóm
 - + Mẫu giáo: 07 lớp:
 - Mẫu giáo bé 02 lớp
 - Mẫu giáo nhỡ 03 lớp
 - Mẫu giáo lớn 02 lớp
- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp.
 - + Trẻ từ 3- 36 tháng tuổi đạt 50%
 - + Trẻ từ 3- 5 tuổi đạt 100%
 - + Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%
- Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần ở các nhóm lớp đạt 95%
- * *Thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ*
- Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc:

Tiếp tục làm tốt công tác quản lý bán trú, tích cực tuyên truyền và phối hợp chặt chẽ với các bậc phụ huynh nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ có sức khỏe tốt, phát triển cân đối, hài hòa, trẻ nhanh nhẹn, hoạt bát. Phân đầu: Trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường từ 98,0% trở lên; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 2,0%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 100%.

- Chất lượng giáo dục trẻ: Xây dựng và triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ Chương trình giáo dục nhà trường, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ; chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt của trẻ, đồng thời tích cực lồng ghép,

tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với lứa tuổi vào các hoạt động trong ngày. Tổ chức hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu, yêu cầu, khuyến khích trẻ tích cực tham gia hoạt động; giáo viên áp dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp giáo dục trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo hiệu quả.

+ 9/9 các nhóm, lớp tổ chức thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non.

+ Trẻ đạt mục tiêu phát triển của độ tuổi từ 98,5% trở lên; số trẻ chưa đạt mục tiêu phát triển của độ tuổi dưới 2,0%.

** Chất lượng đội ngũ:*

Nhà trường tiếp tục quan tâm, động viên, tạo điều kiện, cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; cử CBQL, GV tham gia các lớp bồi dưỡng về ứng dụng thông tin trong công tác quản lý, dạy và học, bồi dưỡng kiến thức về an ninh quốc phòng; công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm. Phần đầu:

100% giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, tích cực vận dụng phương pháp dạy học tích cực nâng cao chất lượng dạy và học; 79,2% trở lên giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin.

100% CBGVNV đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm.

** Các chỉ số liên quan đến phát triển trẻ thơ toàn diện*

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non được tập huấn về tư vấn dinh dưỡng và tâm lý cho trẻ.

100% nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn.

9/9 nhóm/lớp có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024

2.1. Quy mô phát triển.

*** Mạng lưới trường, lớp học:**

Hệ thống trường lớp khang trang, thoáng mát. Phòng học đảm bảo các yêu cầu và được phân chia từng lứa tuổi theo quy định.

Hệ thống thoát nước, công trình vệ sinh riêng của CBGV và học sinh được đáp ứng đầy đủ và đảm bảo yêu cầu vệ sinh.

Các phòng làm việc, phòng chức năng được đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị.

Các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học như: Thiết bị điện tử, đồ dùng, đồ chơi dạy và học đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu ở các nhóm lớp. Trường mầm non Noong Bua được đánh giá là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II . Nhưng

đến nay còn thiếu phòng chức năng phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động của nhà trường (phòng hoạt động thể chất).

Tổng số nhóm lớp trong toàn trường là 09 nhóm, lớp. Trong đó: Nhà trẻ: 02 nhóm; Mẫu giáo: 07 lớp.

- Mẫu giáo bé: 02 lớp

- Mẫu giáo nhỡ: 03 lớp

- Mẫu giáo lớn: 02 lớp.

So với năm học 2022-2023 số lớp không tăng không giảm.

*** Quy mô học sinh, tỷ lệ huy động**

- Tổng số học sinh của toàn trường là 230 cháu. So với năm học 2022- 20203 giảm 30 cháu. Nguyên nhân do địa bàn là phường tái định cư, số hộ và nhân khẩu chuyên đi, chuyển đến nhiều.

- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi trên địa bàn: Tính đến thời điểm hiện tại là

+ Trẻ từ 0- 2 tuổi: 39/66 cháu đạt 59,0%

+ Trẻ từ 3- 5 tuổi 177/177 cháu đạt 100 %

+ Trẻ mẫu giáo 5 tuổi 73/73 đạt 100%

+ Trẻ từ 0- 5 tuổi 216/243 cháu đạt 88,88%

- Số học sinh bình quân / lớp: 25,5 học sinh/ lớp.

2.2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

*** Thuận lợi:**

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của nhà trường nhiều đồng chí có tuổi đời còn trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trong công tác chăm sóc, nuôi, dạy các cháu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đảm bảo đủ giáo viên trên lớp theo quy định với từng độ tuổi.

*** Khó khăn:**

Một số ít giáo viên sắp về hưu việc tiếp cận với hình thức đổi mới giáo dục đôi khi còn hạn chế, kết quả đạt chưa cao.

*** Tổng số GV, CBQL trong toàn trường:** 25 người. Trong đó:

+ Số được biên chế: 23; Hợp đồng: 2

+ Số cán bộ quản lý: 03; Hợp đồng : 0

+ Số giáo viên đứng lớp: 19; Hợp đồng: 0

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 1/22 đạt 4,54%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn: 21/22 đạt 95,4%

*** Công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.**

Duy trì và tổ chức tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề. Tạo điều kiện cho CBGV tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do phòng, sở tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra, bồi dưỡng việc ứng dụng công nghệ thông tin cho CBGV trong nhà trường. Động viên, khuyến khích CBGV sử dụng giáo án điện tử. Đến nay nhà trường đã có 100% CBGV soạn giáo án trên máy tính và có chứng chỉ tin học bằng A trở lên, biết sử dụng giáo án điện tử.

Quan tâm tới đời sống vật chất tinh thần, tạo điều kiện cho CBGV học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên theo hạng chức danh nghề nghiệp $22/22 = 100\%$ GV đã có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II, III.

* Công tác phát triển đảng viên trong trường học, số lượng đảng viên

Nhà trường quan tâm, chú trọng công tác bồi dưỡng phát triển Đảng viên.

Tổng số đảng viên trong nhà trường có 21 đảng viên. Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng và tạo điều kiện cho các quần chúng tiếp tục học tập các lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng.

2.3 Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tài chính công khai bán trú hàng ngày của trẻ, chế độ ăn của trẻ được đảm bảo đủ lượng và chất theo thực đơn hàng ngày. Đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh nhà bếp. Thực hiện tốt quy trình bếp một chiều theo quy định.

Nhà trường phối hợp tốt với trạm y tế phường Noong Bua trong việc phòng chống các dịch bệnh và khám sức khỏe cho trẻ, duy trì tốt các đợt cân, đo cho trẻ theo định kỳ.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không có trường hợp trẻ bị ngộ độc thức ăn cũng như tai nạn ở trường lớp.

100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng, được tiêm chủng và uống vitaminA đầy đủ.

100% trẻ được ăn, ngủ bán trú tại trường.

Kết quả:

- + Cân nặng: - Thừa cân, béo phì: 0
 - Trẻ cân nặng bình thường: $227/230$ cháu = 98.7%
 - Suy DD thể nhẹ cân: $3/230$ chiếm 1.3%
- + Chiều cao: - Chiều cao hơn tuổi: 0
 - Chiều cao bình thường: $227/230 = 98.7\%$
 - Suy DD thể thấp còi: $3/230$ cháu, chiếm 1.3%

*** Chất lượng giáo dục**

- *Chất lượng đội ngũ giáo viên:*

+ Loại giỏi : $19/19$ GV = 100%; + Loại khá: 0

- * *Chất lượng học sinh:*
 - + Bé chăm: 226/230 cháu = 98.3%
 - + Bé ngoan: 221/230 cháu = 96.1%
 - + Bé sạch đạt : 230/230 cháu = 100%

- * *Tỷ lệ trẻ đạt được các mục tiêu của các chủ đề và sự phát triển của trẻ:*
 - + Trẻ nhà trẻ: 37/39% cháu đạt được các mục tiêu của các chủ đề và sự phát triển của trẻ
 - + Trẻ mẫu giáo: 191 = 100 % cháu đạt được các mục tiêu của các chủ đề và sự phát triển của trẻ.

Trường được Sở GD & ĐT thành lập đoàn đánh giá ngoài vào ngày 27-28/3/2020 để công nhận duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục mức 3.

* **Công tác quản lý, chỉ đạo:** Ban giám hiệu nhà trường luôn tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành theo hướng sâu sát, kịp thời và linh hoạt; tăng cường vai trò, trách nhiệm, nêu gương của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ngoại ngữ.

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và năng lực sư phạm cho giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học ngoại ngữ .

Đối với học sinh tiếp tục cho trẻ làm quen với tiếng anh và nhà trường kết hợp với trung tâm ngoại ngữ để nâng cao khả năng làm quen với giao tiếp cho trẻ.

2.5. Ứng dụng CNTT, trong công tác quản lý và nâng cao CL giảng dạy.

- Tiếp tục hưởng ứng đề án: “ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy-học , nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2025”

- Khai thác có hiệu quả các phần mềm đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp thống nhất trên toàn quốc: quản lý phổ cập và xóa mù chữ, hệ thống quản lý cán bộ giáo viên PMIS, phần mềm hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, quản lý trang Web.

+ Sử dụng phần mềm PMIS (quản lý thông tin CBGV). Nhà trường đã cập nhật những thay đổi: tuyển mới, chuyển đi, chuyển đến của GV, đồng thời rà soát, sửa chữa những thông tin đã nhập chưa chính xác

+ Khai thác trực tuyến: Cập nhật thống kê qua mạng, Tham gia tập huấn qua mạng

+ Trao đổi thông tin, văn bản trong nhà trường qua tin nhắn và hộp thư điện tử chung của nhà trường và của từng giáo viên.

- Nhà trường đã chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể cho GV sử dụng các công cụ CNTT vào quá trình dạy học nhằm kích thích sự sáng tạo, độc lập suy nghĩ, tăng cường khả năng tự học, tự tìm tòi sáng tạo của HS.

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho GV sử dụng Internet tại trường, tổ chức cho GV chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi học tập

- 100% CBGV trong trường soạn giảng bằng máy vi tính.

2.6. Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục:

- Quản lý tài chính đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình thực hiện tự chủ tài chính. Đây là vấn đề then chốt nhằm đảm bảo quá trình tự chủ và tự chịu trách nhiệm được thực hiện đầy đủ, khách quan, công bằng và minh bạch.

- Để tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, đơn vị xây dựng hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ; quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp trong trường; tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính; đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính đơn vị

2.7 Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

Triển khai kịp thời tới CBGVNV thực hiện Nghị định 86/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực GDMN; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025. Thực hiện nghiêm túc các quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT. Kết quả công tác huy động các tổ chức, cá nhân đầu tư nguồn lực để phát triển GDMN cụ thể: Hỗ trợ CSVC: 20.000.000 đồng; Hỗ trợ hoạt động phong trào: 50.680.000 đồng.

Chủ động phối hợp với các đoàn thể, cha mẹ trẻ em huy động trẻ đi học, đi học chuyên cần và tổ chức các hoạt động bảo đảm mục tiêu giáo dục. Thử nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ với các trường mầm non trong thành phố nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ.

Khuyến khích giáo viên đi thăm quan học hỏi môi trường giáo dục và dự các tiết chuyên đề ở các trường cùng phường và trong thành phố, để các giáo viên chia sẻ kinh nghiệm hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp giáo viên sáng tạo hơn trong các hoạt động tại nhóm lớp và tích lũy được nhiều kinh nghiệm cho bản thân. Khuyến khích giáo viên nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình GDMN.

2.8. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tổng diện tích đất của trường là 4600m², diện tích đất bình quân trên học sinh là 16,2m²/trẻ; đủ so với quy định.

Tổng số phòng học: 09; phòng học kiên cố: 09

Khối phòng phục vụ học tập: 03 phòng. Trong đó có: Phòng giáo dục nghệ thuật: 1; phòng vi tính: 1; phòng ngoại ngữ : 1 (Thiểu phòng Giáo dục thể chất)

Khối phòng hành chính quản trị: 04 phòng. Trong đó có 1 phòng hiệu trưởng; 1 phòng hiệu phó; 1 phòng hành chính quản trị; 1 phòng y sĩ;

Văn phòng: 1; phòng hội đồng: 1

Khối phòng tổ chức ăn: Khu vực nhà bếp; kho thực phẩm; phòng chia ăn.

Khác: Nhà bảo vệ; khu vực để xe, khu vệ sinh cho CBGV, NV: 2; Vệ sinh cho trẻ: 10; phòng nhân viên.

Tất cả đều là phòng kiên cố

Số máy tính: 14 (Trong đó máy tính dùng cho quản lý chỉ đạo là 04; máy tính dùng cho học tập là 10); Số máy tính kết nối: 04

Số máy chiếu: 10

Máy photocopy: 01

Công trình nước sạch, công trình vệ sinh được đáp ứng đầy đủ, đảm bảo với yêu cầu.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học, thiết bị điện tử, đồ dùng, đồ chơi dạy và học đảm bảo đáp ứng yêu cầu tối thiểu ở các nhóm lớp cũng như các yêu cầu của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và được đoàn thẩm định của Sở GD & ĐT Tỉnh Điện Biên thẩm định vào ngày 27 - 28/3/2020.

2.9 Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chất lượng giáo dục hàng năm của nhà trường đạt 95%

- Tiếp tục đổi mới nội dung vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ làm cơ sở cho việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ, với tình hình thực tế của lớp và nhà trường. Nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non

- * Hoàn thiện thể chế, đánh giá đầy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục đào tạo: nhà trường chú trọng việc rà soát triển khai đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục theo quy định tới toàn thể CB,GV,NV trong nhà trường.

- * Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý.

- Đổi mới công tác quản lý trong nhà trường cùng phối kết hợp các đoàn thể, luôn gắn kết và tác động thúc đẩy nhau để phát triển. Các đoàn thể cùng triển khai thực hiện đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nhà trường. Đổi mới công tác quản lý là khâu đột phá quyết định nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Khơi dậy cho tất cả thành viên trong nhà trường sát cánh cùng với ban giám hiệu thực hiện việc đổi mới quản lý. Giảm áp lực công việc và phát triển năng lực giảng dạy của giáo viên, giảm bớt hội họp và các thủ tục rườm rà,

cải tiến chế độ thông tin trong nhà trường để kịp thời nghe các ý kiến phản hồi của giáo viên

* Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo: Nhà trường phối hợp chính quyền địa phương huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng các đề án với các nhiệm vụ cụ thể nhằm bổ sung cơ sở vật chất và thực hiện chính sách phát triển mạng lưới trường lớp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

* Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường tiếp tục rà soát và giữ vững các tiêu chí của trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

* Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục đào tạo : Nhà trường đã có các hoạt động tuyên truyền để tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng và nhân dân về mục tiêu giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia và giám sát các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục mầm non.

Xây dựng các bài tuyên truyền về các hoạt động xã hội, ngày lễ trong năm phong phú, thiết thực và khoa học.

Xây dựng tin bài có chất lượng và được đăng tải trên Website của nhà trường.

3. Thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thực hiện thu, chi ngân sách, huy động các nguồn tài chính năm 2020, đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách. Số liệu về thu chi ngân sách.

* Thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản của các cấp về chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho học sinh trong nhà trường, đảm bảo đúng đối tượng, kinh phí hỗ trợ được chi trả kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Các chế độ chính sách của cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường được giải quyết kịp thời, chi trả đầy đủ theo quy định hiện hành.

*Thực hiện thu, chi ngân sách, huy động các nguồn tài chính năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách. Số liệu về thu chi ngân sách.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác thu, chi ngân sách chi thường xuyên theo quyết định phân bổ của phòng hàng năm, đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định.

Cụ thể:

- Chi ngân sách năm 2023: 3.701.000.000đ.

- Chi học phí năm 2023: 53.256.000

4. Tồn tại , hanh chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Không

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025 (NĂM HỌC 2025 - 2026)

1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào quyết định số 707/QĐ- UBND ngày 17/08/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ vào kế hoạch 3243/KH-UBND ngày 6 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kết luận số 51- KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư TW Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, kế hoạch số 82-KH/ ngày 27/8/2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định 2036/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2024, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2024.

Căn cứ vào kế hoạch số 1256/ SGDĐT-KHTC ngày 09/05/2024 của Sở GDĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN năm 2025-2026

Căn cứ vào kế hoạch số 673/ PGDĐT-TCCB ngày 10/05/2024 của Phòng GDĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN năm 2025-2026

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu giáo dục chủ yếu đến năm 2026 của GDĐT thành phố trình Đại hội Đảng khóa VII.

2. Xây dựng các chỉ tiêu phát triển giáo dục.

Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, đội ngũ, nguồn nhân lực của nhà trường nhằm tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công tác dạy và học, tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Phấn đấu duy trì giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục mức III.

Huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp, duy trì và phát triển tốt sĩ số học sinh, công tác phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.

Xây dựng, tu sửa CSVC trường lớp, trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục của nhà trường.

Duy trì, đảm bảo cảnh quan môi trường lớp học luôn sạch, đẹp, an toàn và thân thiện.

Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Thực hiện tốt việc đổi mới mục tiêu, phương pháp dạy học, chương trình giáo dục mầm non mới ở các độ tuổi.

2.1 Hệ thống trường, lớp học

- Tổng số phòng học: 08 phòng.
- Khối phòng phục vụ học tập: 03 Phòng.
- Khối phòng hành chính quản trị: 4 phòng.
- Hội trường: 1; văn phòng: 1
- Khối phòng tổ chức ăn: Khu vực nhà bếp; kho thực phẩm; phòng chia ăn.
- Khác: Nhà bảo vệ; khu vực để xe, khu vệ sinh cho CBGV, NV; Khu vệ sinh riêng của học sinh, phòng nhân viên

2.2 Quy mô học sinh

- Tổng số học sinh của toàn trường là 232 cháu
- Tổng số nhóm, lớp: 08 nhóm lớp. Trong đó:
 - + Nhóm trẻ 25- 36 tháng: 02 nhóm
 - + Mẫu giáo: 06 lớp:
 - Mẫu giáo bé 02 lớp
 - Mẫu giáo nhỡ 02 lớp
 - Mẫu giáo lớn 02 lớp
- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp.
 - + Trẻ từ 3- 36 tháng tuổi đạt 50%
 - + Trẻ từ 3- 5 tuổi đạt 100%
 - + Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%
- Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần ở các nhóm lớp đạt trên 95%

2.3 Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

Tổng số CBGV, CNV 24 người. Trong đó: BGH 03; GV đứng lớp 18; NV HC 03 (Trong đó Kế toán: 1; Bảo vệ: 2)

100% CBGV tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đạt 100%.
100% trở lên số cán bộ giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn.

2.4 Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng

100% trẻ được tổ chức ăn trưa tại trường.
100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không có trường hợp trẻ bị ngộ độc thức ăn cũng như tai nạn ở trường lớp.

100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng, được tiêm chủng và uống vitaminA đầy đủ.

Phần đầu 95% trở lên trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nặng còm, nhẹ cân từ 2 đến 3% so với đầu năm học.

2.5 Công tác dạy và học

100% CBGV thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, đảm bảo đầy đủ hồ sơ, sổ sách cá nhân theo yêu cầu, quy định.

Duy trì tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn, công tác kiểm tra, thăm lớp dự giờ.

100% CBGV tham gia hưởng ứng các phong trào, hội thi do các cấp tổ chức.

Quan tâm đầu tư mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học ở các nhóm lớp, công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, đặc biệt ưu tiên cho lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- *Chất lượng đội ngũ giáo viên:*

+ Loại giỏi : 17/18 GV = 94.7%

+ Loại khá: 1/18 = 5.2 %; ĐYC: 0

- *Chất lượng học sinh:*

+ Bé chăm: đạt 95%

+ Bé ngoan: đạt 100%

+ Bé sạch đạt 100%

+ Phần đầu 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non

+ Phần đầu 93% trẻ nhà trẻ; 95% trẻ mẫu giáo đạt được mục tiêu của các chủ đề và sự phát triển của trẻ.

2.6 Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học

Xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học ở các nhóm lớp theo thông tư 02/2010 và thông tư 34/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xin cấp phát bổ sung các thiết bị điện tử, máy chiếu phục vụ cho công tác dạy và học ở các nhóm lớp.

3. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

3.1. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục

3.1.1. Mạng lưới trường lớp học, quy mô học sinh các độ tuổi

Đảm bảo đủ phòng học cho từng độ tuổi theo quy định

Đảm bảo có 8 nhóm, lớp/ 232 học sinh. Bố trí sắp xếp đúng độ tuổi theo quy định.

3.1.2. Tuyển sinh mới trẻ mầm non

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương, tổ dân phố bản, làm tốt công tác tuyên truyền vận động số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 3

tháng đến 36 tháng tuổi và trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi.

Thực hiện tốt công tác tuyển sinh, công tác điều tra, phổ cập số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn được phân công.

3.2. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

3.2.1. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng

Duy trì tốt việc tổ chức cân đo, vào biểu đồ theo dõi sức khỏe cho trẻ theo quy định 4 lần/ năm học.

Làm tốt công tác tuyên truyền, thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong nhà trường, báo cáo kịp thời với các cơ quan chuyên môn khi có dịch bệnh xảy ra.

Đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc quản lý việc nuôi dưỡng trẻ ở trường, lớp.

Thông báo kịp thời về tình hình sức khỏe của học sinh cho các bậc cha mẹ để cùng phối kết hợp với nhà trường đối với những cháu có biểu hiện suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, những cháu biếng ăn. Cho trẻ ăn đủ lượng và chất trong ngày, phù hợp với đặc điểm của từng mùa.

Thực hiện đúng quy trình bếp một chiều, xây dựng thực đơn phù hợp, đảm bảo Đảm bảo tốt công tác vệ sinh ATTP, thực phẩm, có hợp đồng mua, bán rõ ràng. Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh nhóm lớp, vệ sinh cá nhân trẻ. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, nhóm lớp .

3.2.2. Chất lượng giáo dục trẻ

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá trẻ hàng ngày và theo từng lĩnh vực ở cuối mỗi giai đoạn của từng độ tuổi, quan tâm tới những học sinh cá biệt.

Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng việt cho trẻ cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016- 2020 và định hướng đến năm 2025"

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và của địa phương. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chuyên đề; lồng ghép thực hiện có hiệu quả các nội dung giáo dục tích hợp trong chương trình giáo dục mầm non: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục an toàn giao thông; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ tài nguyên, môi trường, biển đảo; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thảm họa thiên tai đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương và đối tượng trẻ; hình thành kỹ năng, kiến thức cho trẻ theo khung kiến thức, kỹ năng, thái độ đã được quy định nhằm giúp trẻ sống thân thiện với môi trường và có thói quen, hành vi phù hợp để góp phần giảm thiểu thảm họa thiên tai, tự bảo vệ bản thân trong điều kiện khẩn cấp.

Phối kết hợp tốt với các bậc cha mẹ học sinh, duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần ở các nhóm, lớp. Quan tâm tới học sinh cá biệt, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Đảm bảo có đủ đồ dùng, đồ chơi học tập cho trẻ ở các khối lớp theo quy định.

3.3. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Xây dựng đội ngũ CBQL và giáo viên đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cho CBGV, thể hiện tác phong yêu nghề, mến trẻ. Thực hiện đúng chính sách pháp luật của nhà nước. Tổ chức cho giáo viên đăng ký báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên, xây dựng kế hoạch, nội dung bồi dưỡng đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của đội ngũ.

Nâng cao năng lực quản lý, thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động trong ngày, nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình chăm sóc giáo dục trẻ ở các độ tuổi của giáo viên ở các nhóm lớp.

Tổ chức phân loại từng đối tượng giáo viên để từ đó có các nội dung bồi dưỡng phù hợp cho từng giáo viên. Phân công kèm cặp, giúp đỡ giáo viên khá, giáo viên mới.

Chú trọng việc bồi dưỡng cho những đối tượng giáo viên mới. giáo viên còn hạn chế trong chuyên môn nghiệp vụ.

Xây dựng phong trào tự học, từ bồi dưỡng thường xuyên trong đội ngũ CB giáo viên, tích cực mở các chuyên đề, các tiết dạy mẫu cho giáo viên dự giờ cùng nhau trao đổi, rút kinh nghiệm.

Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn theo từng nội dung chuyên đề.

Quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ về những nội dung mới như: Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" và Đề án "Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2025"; Đổi mới tổ chức môi trường giáo dục theo phương châm "học bằng chơi, chơi mà học".

Tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi chuyên đề, hồ sơ giáo án tốt, tạo môi trường lớp học, làm đồ dùng dạy học, chọn và nhân rộng những nhân tố điển hình, động viên kịp thời những giáo viên có thành tích, thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, nâng cao chất lượng chuyên môn.

3.4. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng cảnh quan môi trường ; xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng

3.4.1. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng cảnh quan môi trường.

Xây dựng kế hoạch, dự toán, nguồn kinh phí để đầu tư.

Làm tốt công tác phối kết hợp với Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức họp phụ huynh học sinh, vận động cha mẹ học sinh tham gia đóng góp, hỗ trợ kinh phí, công lao động để thực hiện.

Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên chịu trách nhiệm chăm sóc, vệ sinh khu vực được đảm nhận, đảm bảo môi trường luôn xanh- sạch- đẹp.

Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện thực tế của nhà trường, làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất cho nhà trường. Tranh thủ sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể.

Vận động cha mẹ học sinh, các ban ngành trên địa bàn tham gia thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đóng góp, hỗ trợ nhà trường về kinh phí, vật chất để phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tích cực tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ kinh phí từ các nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn tài trợ khác.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của nhà nước hỗ trợ, của nhân dân đóng góp, đồng thời tăng cường việc bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng để phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục được lâu dài. Tổ chức phát động các phong trào thi đua làm đồ dùng, đồ chơi kết hợp với các đợt phát động thi đua trong năm học.

3.4.2. Xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng

Xây dựng kế hoạch thực hiện, phân công cho các bộ phận, cá nhân chịu trách nhiệm từng công việc trong phạm vi, trách nhiệm cũng như điều kiện thực tế của nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình thực tế của nhà trường so với các tiêu chuẩn cần đạt, có kế hoạch điều chỉnh bổ sung để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục mức 3.

Hàng năm hoàn thiện bổ sung các minh chứng, báo cáo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.5. Công tác xã hội hóa giáo dục

Làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp với chính quyền địa phương, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng trường lớp, vận động con em trong độ tuổi đến lớp, thực hiện tốt công tác phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, tham gia góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường.

Phối kết hợp với hội cựu giáo chức, Hội phụ nữ của phường tuyên truyền vai trò, vị trí của cấp học.

Phối kết hợp với hội cha mẹ học sinh cùng với nhà trường tham gia vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con em ở trường lớp, thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục.

3.6. Công tác thông tin, tuyên truyền

Xây dựng và viết các tin bài, thông tin báo cáo kịp thời với các cấp lãnh đạo, tuyên truyền về các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở nhà trường.

3.7. Thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên; chính sách đối với cơ sở giáo dục

Hàng năm rà soát, lập danh sách số học sinh sinh thuộc đối tượng được miễn, giảm cấp bù học phí theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách ưu tiên, miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập và hỗ trợ ăn trưa cho các đối tượng được miễn giảm đúng quy định.

Thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- NDSNN 3 NĂM 2025-2027 LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024, và 3 năm 2022-2024 lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu năm 2024 và 3 năm 2022-2024 lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Nhà trường triển khai thực hiện kịp thời Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Kết quả:

Dự toán thu năm 2022 là: 100.186.000đ

Trong đó: + Thu học phí : 76.896.000đ

+ Thu sự nghiệp khác (vận động tài trợ) : 23.317.000đ

Dự toán thu năm 2023 là: 166.030.000đ

Trong đó: + Thu học phí : 95.350.000đ

+ Thu sự nghiệp khác (vận động tài trợ) : 70.680.000đ

Ước thực hiện năm 2024 là: 140.009.000đ

Trong đó: + Thu học phí : 76.899.000đ

+ Thu sự nghiệp khác (vận động tài trợ) : 63.110.000đ

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, và 3 năm 2022-2024 lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Trong năm ngân sách 2022, 2023 việc lập dự toán ngân sách đảm bảo với kinh phí được giao, quản lý chặt chẽ sử dụng ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

- Dự toán ngân sách đã thực hiện năm 2022: 3.765.000.000đ

- Dự toán ngân sách đã thực hiện năm 2023: 3.710.000.000đ

- Ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2024: 4.195.000.000đ

Trên cơ sở quyết toán thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023, tình hình thực hiện nhiệm vụ thu phí lệ phí, thu sự nghiệp 03 năm 2021-2023 so với mục

tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân nhà trường đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định.

Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ thu phí lệ phí, thu sự nghiệp từ ngân sách nhà nước năm 2024 đảm bảo theo văn bản chỉ đạo của các cấp và kế hoạch đã được phòng Giáo dục phê duyệt.

II. Xây dựng dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính 3 năm 2025-2027

1. Xây dựng dự toán thu.

Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án, qui chế sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. *(có biểu đính kèm)*

2. Xây dựng dự toán chi

Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thường xuyên. Trong đó chi thường xuyên bao gồm:

- Hệ số lương theo ngạch, bậc (theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).
- Phụ cấp thâm niên vượt khung (theo Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ).
- Phụ cấp ưu đãi (theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ).
- Phụ cấp thâm niên giáo dục (theo Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011): Căn cứ Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
- Phụ cấp chức vụ lãnh đạo (theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/08/2005 của Bộ Nội vụ, Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, và theo Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban chấp hành Trung ương, Quyết định số 61/2005/QĐ-TTg, ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ, các trường hợp được hưởng và thôi hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo nếu thôi giữ chức danh lãnh đạo theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ).

- Phụ cấp khu vực (theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005. Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

- Phụ cấp trách nhiệm công việc (theo Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ).

- Hợp đồng bảo vệ thực hiện theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022.

- Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn: Tiền điện, tiền nước, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng thực hiện đúng theo qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm của nhà trường *(có biểu đính kèm)*

3. Kế hoạch tài chính- NSNN 3 năm 2025-2027

Nhà trường tiếp tục thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

4. Kế hoạch huy động nguồn lực ngoài ngân sách.

Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm chỉ đủ chi lương và một số khoản chi thường xuyên của nhà trường, ngoài ra chưa có các nguồn thu nào khác, nguồn ngân sách địa phương thì không có. Vì vậy hằng năm (Theo năm học), căn cứ vào văn bản chỉ đạo của các cấp, nhu cầu thực tế thì nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ, trong đó thuyết minh chi tiết dự trù kinh phí vận động tài trợ; tổ chức lấy ý kiến từ Ban chi ủy, BGH, CBGVNV, lập tờ trình để trình UBND, phòng Giáo dục xin ý kiến và phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường trước khi tổ chức thực hiện. Thuyết minh dự trù kinh phí, dự kiến chi kinh phí vận động tài trợ hằng năm không trùng lặp với nội dung dự toán thu, chi NSNN hằng năm mà phòng Giáo dục giao cho nhà trường.

III. Tổ chức thực hiện.

1. Xây dựng và thực hiện tốt, có hiệu quả các quy chế hoạt động trong nhà trường như: quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế bán trú; quy chế hoạt động, phối kết hợp giữa chính quyền với công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

2. Thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương, các tổ dân phố, bản trong việc vận động, duy trì và phát triển số lượng học sinh trong độ tuổi trên địa bàn đến trường lớp.

3. Quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, khuyến khích, tạo điều kiện cho CBGV, NV tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện: Quan tâm chú ý tới việc giáo dục tư tưởng đạo đức cho đội ngũ CBGV, NV trong nhà trường; Xây dựng nền nếp, môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh, dân chủ, có kỷ cương, tình thương và trách nhiệm, trung thực trong việc thi cử, đánh giá xếp loại; Thực hiện tốt việc dạy và học theo chương trình giáo dục nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình GDMN mới của BGD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Phát động phong trào sáng kiến kinh nghiệm, phong trào làm đồ dùng dạy học; Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra nội bộ trường học, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục. Thực hiện nghiêm túc quy chế ba công khai; Thực hiện các chế độ chính sách đối với con em người dân tộc, con em thuộc diện chính sách, con em gia đình nghèo, xã vùng cao đặc biệt khó khăn theo quy định.

5. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường đầu tư CSVC trường lớp, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy và học đảm bảo đáp ứng yêu cầu ở nhóm lớp. Xây dựng tốt cảnh quan, môi trường trong và ngoài lớp học luôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện với trẻ.

6. Đề xuất, kiến nghị.

6.1. Đối với phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ

Tiếp tục quan tâm tới các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học của nhà trường, kinh phí cho một số hoạt động của nhà trường.

6.2. Đối với UBND Phường Noong Bua

Tuyên truyền tới các tổ dân phố bản, nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Phối hợp với nhà trường trong việc vận động trẻ đến trường, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Duy trì tốt công tác phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi trên địa bàn đạt hiệu quả.

TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text "TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA" is written in red capital letters. Above this, in smaller red capital letters, is "UBND TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ". A blue ink signature is written over the stamp. Below the stamp, the name "Nguyễn Thị Lý" is written in a red cursive script.

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC
TRƯỞNG PHÒNG**

**TM. UBND PHƯỜNG NOONG BUA
CHỦ TỊCH**